

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN THỜI ĐƯƠNG ĐẠI

TRẦN THANH PHƯƠNG*

Đương đại là một thời kỳ với nhiều chuyển biến mạnh mẽ và bất khả đoán trên nhiều phương diện. Bài viết nhận diện các đặc điểm tư tưởng của thời đương đại và đề cập đến một số vấn đề nổi bật mà nhân loại đang phải đối mặt từ nửa sau thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI như toàn cầu hóa kinh tế, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khủng hoảng môi trường ở cấp độ toàn cầu và sự phân tán quyền lực như một thách thức cho nền chính trị đương đại. Kết quả cho thấy các vấn đề thực tiễn đương đại có những điểm chung như sự đan xen và thâm nhập vào nhau giữa tính hiện đại và hậu hiện đại, giữa cái trung tâm và phi trung tâm, giữa cái duy lý và phi lý, mâu thuẫn, phức tạp, bất ổn và nhiều yếu tố khác.

Từ khóa: đương đại, toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khủng hoảng môi trường, phân tán quyền lực chính trị

Nhận bài ngày: 25/7/2019; đưa vào biên tập: 28/7/2019; phân biên: 1/8/2019; duyệt đăng: 4/9/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu về thời đương đại là một trong những yêu cầu cấp bách của đời sống thực tiễn để nắm được tính phức tạp của những hiện tượng đang biến chuyển mau lẹ và nhận thức được mọi biến động của thời đại, đối diện với những rủi ro khó lường. Trong khoa học xã hội ở Việt Nam hiện nay đã có những công trình nghiên cứu về thời kỳ này. Tuy nhiên, các công trình ấy hoặc là đưa ra các nhận định dưới dạng khái quát lý luận về các đặc tính bên trong, hoặc là tổng kết các biểu hiện của hoạt động thực tiễn - hoạt động vật chất ở bên ngoài (đời sống kinh tế, chính trị, xã

hội, kỹ thuật) nhằm chỉ ra thời cơ, thách thức và tư vấn chính sách. Bài viết nhằm làm rõ một số vấn đề trong thời đại ngày nay, trong bức tranh tổng thể đương đại không nằm ngoài các nghiên cứu chung trước đó.

2. NHẬN DIỆN MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA THỜI ĐƯƠNG ĐẠI

Về mặt thuật ngữ, chữ “đương đại” ban đầu có nguồn gốc từ tiếng Latinh thời Trung cổ là “contemporarius” sau biến thể thành “contemporalis”, được ghép từ hai thành tố “con” có nghĩa là “cùng với” và “tempus/tempor” có nghĩa là “thời gian”, nhằm chỉ “cái gì đó hiện tồn, người đang sống, sự kiện đang xảy ra ở cùng thời điểm; thuộc về hoặc đang diễn ra ở thời điểm hiện tại” và trong tiếng Anh ngày nay là chữ

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

“contemporary”⁽¹⁾.

Ở góc độ lịch sử, theo Nguyễn Minh Quân (2012), thời kỳ đương đại mà chúng ta đang sống là thời hậu hiện đại (post-modern era, post-modernity) bắt đầu từ giữa thế kỷ XX trở đi, trong khi đó thời kỳ hiện đại đã qua đánh dấu một kỷ nguyên tương đối dài trong lịch sử thế giới, bắt đầu từ thời Phục hưng, kéo dài gần một nửa thiên niên kỷ, cho đến giữa thế kỷ XX.

Theo nhà nghiên cứu Bùi Văn Nam Sơn, ngay khái niệm “hiện đại” cũng khá nhập nhằng theo nhiều cách phân kỳ khác nhau: nó có thể bắt đầu từ giữa thế kỷ XV (với việc Châu Âu ra khỏi thời Trung cổ với các sự kiện lịch sử như khám phá Châu Mỹ, phát sinh ra máy in, hình thành chủ nghĩa tư bản...) cho tới ngày nay. Nó cũng có thể được chia ra thành thời Cận đại từ thế kỷ XV đến Đại cách mạng Pháp và thời hiện đại từ Cách mạng Pháp đến ngày nay (Bùi Văn Nam Sơn, 2011). Một thời đại lịch sử không đơn thuần chỉ được nhận thức dựa vào các sự kiện có tính nhảy vọt như Đại cách mạng Pháp năm 1789 đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế hay Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, tức dựa vào sự thay thế lẫn nhau giữa các chế độ chính trị xã hội, mà còn nhất thiết phải dựa trên những đặc tính như cấu trúc văn hóa hay thái độ tư tưởng của một xã hội nhất định thông qua các khuynh hướng triết lý, chính trị, tôn giáo, khoa học của nó. Tư tưởng của thời hiện

đại là sự theo đuổi tri thức khách quan, phương pháp khoa học, các niềm tin phải dựa trên các sự kiện quan sát và kiểm tra được; nó “tin tưởng vào sức mạnh của lý tính và tư duy phê phán, xem khoa học - chứ không phải tôn giáo - là nơi có thẩm quyền giải đáp những bí mật của đời sống” (Bùi Văn Nam Sơn, 2017: 185). Hơn nữa, thời kỳ này lý tính được sử dụng như một phương tiện đầy quyền năng để hợp lý hóa mọi thứ nhằm tạo nên một trật tự từ những hỗn loạn và nó trở thành cương lĩnh cho hành động: xây dựng một xã hội hợp lý có nghĩa là tạo nên một trật tự ổn định; xã hội ổn định chừng nào thì chức năng của nó càng hoạt động hữu hiệu chừng đó và càng hợp lý hơn (Nguyễn Minh Quân, 2012).

Thời hậu hiện đại bắt đầu từ giữa thế kỷ XX như một cách phản ứng lại thời hiện đại, rằng lý trí và sự tinh khôn của con người không thể đạt được hạnh phúc mà chúng ta mong mỏi, trước những thảm họa và hậu quả của các chiến lược hiện đại hóa như tàn phá môi sinh, lịch sử đẫm máu của thế kỷ XX, sự nghèo đói, bất công lan tràn (Bùi Văn Nam Sơn, 2017: 186-187). Trong nghĩa thông thường, cái hậu hiện đại phải đến sau cái hiện đại và như vậy hàm ý về sự chấm dứt của tính hiện đại (dẫn theo Nguyễn Xuân Nghĩa, 2014: 46). Nhưng hậu hiện đại không chỉ là cái đến sau hiện đại mà nó còn ngầm ẩn cái gì đó mà không còn là hiện đại nữa, theo Appignanesi và Gattat (2006: 4) trong

cuốn *Nhập môn chủ nghĩa hậu hiện đại*, “nó chống lại và che mờ ý nghĩa của chủ nghĩa hiện đại, nó hàm ý một tri thức trọn vẹn về cái hiện đại đã bị vượt qua bởi một thời đại mới [...] Mỗi thời đại, dù là thời đại nào đi nữa, đều được xác định thông qua bằng chứng là những thay đổi mang tính lịch sử trong cách chúng ta nhìn, nghĩ và tạo ra chúng”. Về mặt nội dung, “hậu - hiện đại” chủ yếu là “một loại hình tư tưởng và lối sống” (Bùi Văn Nam Sơn, 2011). Vậy, đặc tính của thời hậu hiện đại cũng chính là tính hậu hiện đại (postmodernity), là thời đại của những “phân mảnh, thất thường, bất xác định và phi lý tính”. Trong cuốn *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Lyotard (2008: 54) viết: “hậu hiện đại là sự hoài nghi đối với các siêu tự sự”. Siêu tự sự (méta-récits) hay đại tự sự (grands récits) “là những chân lý được coi là phổ quát, tuyệt đối hoặc tối hậu, được dùng để hợp thức hóa hay chính đáng hóa một số đề án nào đó, có thể là đề án chính trị hoặc đề án khoa học” (Appignanesi & Gattat, 2006: 103). Điều đó có nghĩa rằng hậu hiện đại được xem là thời cáo chung của các đại tự sự.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, hiện đại cũng chính là hậu hiện đại: “cái hiện đại luôn luôn xung đột với những gì đến ngay trước nó. Cũng trong nghĩa này, cái hiện đại luôn luôn có nghĩa là hậu (sau)-một-cái-gì-đó. Cái hiện đại kết cục xung đột với chính nó và không tránh khỏi trở thành hậu-hiện đại [...]. Vậy thì, hậu hiện đại là

[...] một phần của cái hiện đại. Tất cả những gì có được, dù chỉ mới hôm qua, đều phải bị hoài nghi” (Appignanesi & Gattat, 2006: 19-20). Với Lyotard “Hậu hiện đại không phải là sự cáo chung của Hiện đại [...] mà là một quan hệ khác với hiện đại” (dẫn lại Bùi Văn Nam Sơn, 2007: 15), có nghĩa là nó hoàn tất những đề án còn dang dở của thời Khai minh, “cứu vãn” và bảo vệ những giá trị đích thực của Hiện đại: sự tự do và sự khai phóng của cá nhân (Bùi Văn Nam Sơn, 2012).

Những quan điểm trên cho thấy từ giữa thế kỷ XX cho đến thời điểm hiện tại, thời đương đại là sự đan xen, thâm nhập vào nhau giữa tính hiện đại và hậu hiện đại, giữa cái toàn thể và cái phân mảnh, giữa cái trung tâm và cái phi trung tâm, đầy mâu thuẫn, dĩ nhiên bao gồm cả tính phức tạp và bất ổn. Đây cũng là những đặc điểm của tính đương đại (contemporality).

3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NỔI BẬT CỦA THỜI ĐƯƠNG ĐẠI

3.1. Toàn cầu hóa kinh tế

Toàn cầu hóa nền kinh tế ngày nay đã trở thành một xu thế chung của thời đại mà các quốc gia, dân tộc không thể bỏ qua được. Về bản chất, toàn cầu hóa kinh tế là sự gia tăng nhanh chóng các hoạt động kinh tế vượt biên giới giữa quốc gia và giữa các khu vực với nhau, tạo ra sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế trong sự vận động và phát triển hướng tới một nền kinh tế thế giới hội nhập và thống nhất (Phùng Văn Thành, 2014:

4-5). Nền tảng của kinh tế toàn cầu đã diễn ra từ những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Dĩ nhiên, liên kết thương mại và kinh tế có vũ trang đã vượt biên giới chính trị từ thời tiền sử nhưng không vì thế mà nhân loại đã có một nền kinh tế toàn cầu từ thời đó. Giai đoạn từ giữa thế kỷ XX trở đi rất khác với các giai đoạn trước đó về phạm vi lẫn cường độ của các quan hệ kinh tế, trong trình độ các hoạt động kinh tế xuyên quốc gia đã tạo nên hình dạng cho đời sống hiện đại của con người và các thiết chế chính trị. Một phần của sự thay đổi ấy bắt nguồn từ sự tiến bộ của khoa học và công nghệ trong thông tin liên lạc và vận chuyển khiến cho hoạt động thương mại dễ dàng, hiệu quả và rẻ hơn so với các thời kỳ trước đó. Những tiến bộ này hình thành các mạng lưới thương mại phức tạp và các tập đoàn liên kết rộng lớn hơn trước đây, người ta có thể điều phối từ trung tâm các giao dịch quốc tế ở quy mô toàn cầu một cách dễ dàng và hiệu quả, các doanh nghiệp có cơ hội xây dựng hệ thống sản xuất, kinh doanh ở quy mô toàn cầu và địa phương một cách tối ưu. Công nghệ tổ chức và thông tin viễn thông mới cho phép thiết lập sự chỉ đạo và kiểm tra đồng thời tất cả các đơn vị thành viên độc lập, bất kể chúng tọa lạc ở đâu. Như vậy, toàn cầu hóa cũng có nghĩa là phi tập trung hóa (Nguyễn Văn Nam, 2007: 125-126).

Ngày nay, các nước đang phát triển và các nước công nghiệp cũng đã thay đổi cơ bản chính sách kinh tế

của họ, mở rộng cửa hơn nữa để bước vào một cuộc cạnh tranh kinh tế trên quy mô toàn cầu, bởi họ biết rằng thắng lợi về mặt trận kinh tế quyết định thắng lợi ở nhiều mặt trận khác. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, toàn cầu hóa kinh tế còn mang trong mình những tác động tiêu cực trên các phương diện.

Về phương diện kinh tế, “toàn cầu hóa đã tạo ra những thay đổi căn bản trong hoạt động kinh tế của con người, làm thay đổi tính chất và vị trí của thị trường. Nếu như trước đây, thị trường mang tính quốc gia thì hiện nay, thị trường đã mang tính quốc tế” (Phạm Văn Đức, 2006). Điều này có mặt lợi nhưng cũng có mặt bất lợi vì khi một mắt xích của hệ thống ấy sụp đổ sẽ kéo theo sự sụp đổ của toàn bộ hệ thống khiến cho không quốc gia nào, trong sân chơi kinh tế toàn cầu không bị ảnh hưởng.

Về phương diện xã hội, toàn cầu hóa kinh tế đã làm biến đổi sâu sắc đời sống xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới, nó “bẻ gãy” thói quen, lối sống, cấu trúc gia đình một cách nhanh chóng. Trong khi bản thân các cấu trúc - văn hóa của các xã hội luôn tiến hóa một cách chậm chạp chưa kịp thích nghi với sự biến đổi kinh tế đã dẫn đến xung đột hoặc đứt gãy văn hóa giữa các thế hệ trong cấu trúc gia đình và xã hội, làm xuất hiện nhiều tệ nạn như mại dâm, ma túy xuyên quốc gia, tội phạm quốc tế, khiến cho tình trạng phân hóa giàu nghèo trở nên sâu sắc.

Về phương diện chính trị, toàn cầu hóa kinh tế là một thách thức về an ninh chính trị quốc gia. Đó là “xói mòn quyền lực nhà nước quốc gia [...] những cố gắng truyền thống sử dụng hệ thống pháp luật có hiệu lực trong lãnh thổ quốc gia để điều tiết hoạt động kinh tế chỉ còn mang một ý nghĩa có giới hạn [...] toàn cầu hóa đã làm mất nền tảng lãnh thổ của hệ thống luật pháp quốc gia” (Nguyễn Văn Nam, 2007: 118). Hơn nữa, lợi dụng các hoạt động kinh tế xuyên quốc gia dưới vỏ bọc các tập đoàn kinh doanh, nhất là các tập đoàn về lĩnh vực công nghệ để thực hiện hoạt động gián điệp; lợi dụng tình trạng nghèo khó, các nước lớn cho các nước nghèo cho vay nợ với mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng để dẫn đến việc các nước nghèo mất khả năng trả nợ buộc phải đánh đổi các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, nhượng bộ chính sách chính trị, chủ quyền quốc gia... để trả nợ.

Về phương diện môi trường, để phục vụ cho nền kinh tế toàn cầu các quốc gia ra sức khai thác tài nguyên thiên nhiên khiến cho các nguồn tài nguyên ngày càng khánh kiệt, môi trường ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng, dẫn đến biến đổi khí hậu ở quy mô toàn cầu, đe dọa đến sự sống của nhân loại. Mặc dù toàn cầu hóa đã mang lại những biến đổi sâu sắc trong hệ thống kinh tế chính trị toàn cầu, nhưng tác động của nó là *không đồng nhất* làm sâu sắc thêm sự bất bình đẳng, khiến các quốc gia phát triển ngày càng

giàu thêm và các nước nghèo ngày càng nghèo đi (Lê Hồng Hiệp, 2016). Mới đây, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung “đã ảnh hưởng tiêu cực đến người tiêu dùng cũng như nhiều nhà sản xuất của cả hai nước... sự leo thang sẽ phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu và gây nguy hiểm cho sự phục hồi tăng trưởng kinh tế năm 2019” (Cerutti, Gopinath, & Mohommad, 2019). Sự kiện ấy là một minh chứng cho thấy rằng toàn cầu hóa kinh tế chứa đựng những “mâu thuẫn, bất ổn và không đều”. Lẽ đương nhiên, không có sự phát triển nào mà không chứa đựng trong lòng nó những mâu thuẫn và một trong những nguyên nhân thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa kinh tế nhanh chóng đó là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Mỗi một cuộc cách mạng công nghiệp đều mang lại lợi ích kèm với những thách thức của nó. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được xây dựng trên ba biến đổi của các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó: năng lượng hơi nước đã biến đổi mạnh mẽ thế kỷ XIX; điện đã biến đổi phần lớn thế kỷ XX và thời đại của máy tính bắt đầu từ những năm 1970 (Cordes & Stacey, 2017: 5). Cuộc cách mạng công nghiệp lần này biểu hiện ở các mặt như công nghệ được tự động hóa và số hóa cao độ, internet kết nối vạn vật (IoT), Big data, in 3D, Blockchain, xe tự hành... Bản chất của cách mạng công nghiệp lần

thứ tư là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Sự tác động mạnh mẽ của nó đến mọi thay đổi của đời sống xã hội là xu thế không thể đảo ngược được, và rõ ràng những diễn tiến của nó nhanh hơn nhiều so với ba phiên bản trước.

Các nhà nghiên cứu hàng đầu cho rằng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ mang đến những chuyển biến tích cực có thể dự đoán được: 1) phá vỡ ranh giới giữa các nhà phát minh và thị trường, tức rút ngắn khoảng cách; 2) trí tuệ nhân tạo (AI) đóng vai trò tích cực; 3) tích hợp các kỹ thuật và các lĩnh vực khác nhau; 4) cải thiện chất lượng cuộc sống; 5) cuộc sống được kết nối dễ dàng.

Bên cạnh những yếu tố tích cực, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn mang trong lòng những thách thức.

Tình trạng thất nghiệp ngày càng trầm trọng, thị trường lao động bị phá vỡ. Tự động hóa bởi robot sẽ thay thế lao động trong toàn bộ nền kinh tế là nguyên nhân của nạn thất nghiệp và làm cho nguồn lực lao động có trình độ tay nghề cao trở nên khan hiếm. Nhận thức được điều đó, tại diễn đàn kinh doanh toàn cầu Bloomberg, CEO của Apple Tim Cook đã nhận xét: “Nếu tôi là một nguyên thủ quốc gia, mục tiêu của tôi sẽ là độc quyền tài năng của thế giới” (Leswing, 2017). Công cuộc tìm kiếm nguồn lao động chất lượng cao sẽ tạo ra một thị trường việc làm ngày càng tăng thêm

sự cách biệt giữa việc làm có tay nghề thấp và thay vào đó là robot và số hóa... Điều này nếu được nhân đôi có thể sẽ dẫn đến những căng thẳng xã hội (Wolf, 2015).

Trong một kỷ nguyên với sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo, mặc dù robot trở nên thông minh hơn và có nhiều tính năng hơn nhưng chúng vẫn thiếu một tính năng thiết yếu - năng lực lý luận đạo đức. Chúng không thể nào biết hoặc đưa ra các phán quyết thế nào là tốt hoặc có đạo đức trong nhiều tình huống phức tạp, đây chính là giới hạn năng lực của công nghệ. Một điều khó nữa, các giá trị đạo đức khác nhau đến từ nhiều cá nhân khác nhau, các quốc gia, các tôn giáo và các biên giới ý thức hệ khác nhau, do đó chúng ta không biết sẽ lấy chuẩn mực đạo đức nào làm hệ quy chiếu để gán cho hệ thống nhân tạo (Al-Rodhan, 2015).

Bên cạnh các vấn đề trên, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn tạo ra những thách thức khác như an ninh mạng, hiểm họa hacker, chiến tranh điện tử, bảo mật thông tin cá nhân... Schwab (2015) cho rằng: “Chúng ta đang đứng trước bờ vực của một cuộc cách mạng công nghệ sẽ thay đổi căn bản cách chúng ta sống, làm việc và quan hệ với nhau. Trong quy mô, phạm vi và tính phức tạp của nó, sự biến đổi sẽ không giống bất kỳ thứ gì mà nhân loại đã từng trải nghiệm trước đây. Chúng ta chưa biết nó sẽ diễn ra như thế nào, nhưng rõ một điều: sự phản ứng lại

nó phải thống nhất và toàn diện, gồm các bên liên quan của chính thể toàn cầu, từ khu vực công đến tư nhân, từ học thuật đến xã hội dân sự”. Những tác động tích cực lẫn tiêu cực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra một cách hoặc hiển hiện hoặc âm thầm, nhưng sự tác động của nó đến môi trường sống của con người là điều không thể phủ nhận.

3.3. Sự phân tán quyền lực chính trị

Quyền lực luôn là một chủ đề được sự quan tâm của nhiều nhà tư tưởng trong nhiều thập kỷ, thậm chí là hàng thế kỷ và đã được nhắc đến từ cách đây rất lâu, bởi Aristotle, Plato và Machiavelli. Ngày nay, quyền lực vẫn là cuộc tranh luận chưa hồi kết về định nghĩa cũng như các tính năng, dẫn đến sự phức tạp và mơ hồ về chủ đề này. Hannah Arendt (1970: 44) định nghĩa quyền lực như là tài sản của một cá nhân nhưng đúng hơn, nó thuộc về một nhóm và còn tồn tại chừng nào nhóm ấy vẫn còn tồn tại. Trong khi đó Dahl (1957) đề xuất gọi các chủ thể trong mối quan hệ với quyền lực là các chính khách (actors). Thuật ngữ chính khách bao gồm các cá nhân, nhóm, cơ quan, chính phủ, nhà nước - quốc gia, hay những tập đoàn người.

Một trong những định nghĩa về quyền lực có ảnh hưởng nhất trong lĩnh vực khoa học xã hội là của Max Weber (1964). Ông cho rằng nó là tính khả thi của một chính khách bên trong một quan hệ xã hội để được ở trong một vị trí nhất định nhằm thực hiện ý chí của mình bất chấp sự kháng cự.

Theo Weber, quyền lực là một trò chơi có tổng bằng không và là một thuộc tính xuất phát từ phẩm chất, nguồn lực và năng lực của chủ thể. Joseph Nye (2009) đã phát triển khái niệm quyền lực của Max Weber lên một cấp độ mới, rằng quyền lực là “khả năng tác động đến người khác để đạt được kết quả mà mình mong muốn”. Nye đã đưa ra ba loại quyền lực:

Quyền lực cứng (hard power) là khả năng thúc đẩy người khác dựa vào vũ lực, thưởng, phạt và thiết lập nghị trình dựa trên các hành vi này (quyền lực kinh tế và quân sự). Còn quyền lực mềm (soft power) là khả năng lôi kéo người khác qua việc chiêu dụ gồm định khung nghị trình, thuyết phục và khơi gợi hành vi thu hút tích cực để đạt được kết quả mong muốn (quyền lực văn hóa). Quyền lực thông minh (smart power) là khả năng tác động đến người khác thông qua việc kết hợp các tài nguyên quyền lực cứng và quyền lực mềm thành các chiến lược hiệu quả để đạt được kết quả mong muốn. Nói một cách khác, quyền lực thông minh là khả năng sử dụng một cách duy lý các tài nguyên quyền lực cứng và quyền lực mềm để tạo ra những chiến lược, chính sách, những đường lối hành động nhằm đạt kết quả mong muốn (dẫn theo Lê Ngọc Hùng, 2017).

Dù định nghĩa quyền lực theo cách nào thì vấn đề quyền lực ngày nay là một trong những vấn đề trung tâm của khoa học chính trị và không khó để nhận ra rằng cả ba hình thức

quyền lực (quyền lực cứng, quyền lực mềm và quyền lực thông minh) đều tập trung về một chủ thể đó chính là nhà nước, chỉ có nhà nước mới là chủ thể có đủ thẩm quyền để thực thi các loại quyền lực này. Nhưng từ những năm cuối thế kỷ XX đầu XXI quyền lực bị phân tán từ nhà nước sang các thiết chế phi nhà nước ngày càng hiện rõ và nằm ngoài sự kiểm soát kể cả những quốc gia hùng mạnh nhất.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và thông tin trong dòng chảy của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự ra đời của internet và mạng xã hội làm xuất hiện thêm một loại quyền lực mới: quyền lực thông tin (informational power). Chủ thể sở hữu loại hình quyền lực này không còn thuộc về nhà nước - người quản lý và điều hành xã hội, điều đó có nghĩa quyền lực nhà nước đã bị chia sẻ hay phân tán bởi những lực lượng nắm trong tay sức mạnh công nghệ và thông tin. “Trong xã hội thông tin ngày nay, tính bất cân xứng của thông tin có thể dẫn đến bất cân xứng to lớn về quyền lực, bởi bất kỳ ai có kiến thức sử dụng công nghệ cũng có sức mạnh để tận dụng công nghệ. Một đối tượng có quyền truy cập gốc (root access) gần như có quyền lực toàn năng” (Schwab, 2018: 128).

Và rõ ràng, với sự trợ lực của công nghệ, lực lượng nào nắm nhiều thông tin và quyền điều khiển công nghệ thì lực lượng đó sẽ có quyền lực và sức mạnh. Ngày nay, quyền lực không

còn nằm trọn trong tay nhà nước, dĩ nhiên nhà nước vẫn đang thực thi quyền lực của mình nhưng nó đã bị phân tán hay chia sẻ. Với sức mạnh của tri thức cộng với phương tiện công nghệ, bất kỳ ai cũng có thể lũng đoạn cả thị trường trên quy mô lớn và thay đổi cục diện chính trị. Ngày nay, không khó để nhận ra rằng, những cuộc biểu tình quy mô nhỏ, được sự trợ giúp của các trang mạng xã hội (social media) như Facebook, Twitter... có thể sẽ trở thành một cuộc nổi dậy quy mô lớn. Đáng chú ý hơn nếu để sức mạnh của công nghệ rơi vào tay những tổ chức khủng bố sẽ rất nguy hiểm cho xã hội. Đó là một thách thức hệ trọng đối với quyền lực nhà nước mà các nhà làm chính sách cần phải quan tâm.

4. KẾT LUẬN

Thời đương đại kể từ những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI nhân loại đã và đang chứng kiến một thế giới phát triển nhanh hơn bao giờ hết, nền kinh tế được toàn cầu hóa mạnh mẽ thúc đẩy cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư và ngược lại, khoa học công nghệ đẩy nhanh hơn nữa tiến trình toàn cầu hóa, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Toàn cầu hóa kinh tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, bên cạnh những lợi ích to lớn cũng gây nên nhiều rủi ro, bất ổn, đó chính là tính mâu thuẫn của thời đương đại. Trong tiến trình toàn cầu hóa, các quốc gia bị phụ thuộc lẫn nhau nhưng sự phát triển của mỗi quốc gia lại không đều,

khắc sâu thêm tình trạng bất bình đẳng là nguyên nhân của mọi xung đột. Quyền lực nhà nước hiện đại được xem như hiện thân của một trật tự ổn định đang bị phân tán, đánh mất trung tâm, xã hội không còn cần nhu cầu trung gian - nhà nước như là một thiết chế ban phát mọi thứ mà ngày nay đã có công nghệ và hệ thống thông tin toàn cầu, đồng thời nó quá nhỏ để đương đầu với sự xuất hiện

của các nền kinh tế và văn hóa toàn cầu. Nhưng không có nghĩa quyền lực nhà nước bị giải thể mà nó vẫn còn nắm giữ một vai trò to lớn. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu là những áp lực tiêu cực lên môi trường sinh sống của con người và gây nên nhiều hệ lụy xã hội khác ở tầm quốc tế, nếu không có giải pháp khẩn cấp, sự sụp đổ hệ thống sinh thái - xã hội là điều có thể được báo trước. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Chữ “Contemporary”: xem trong Lexico Dictionaries - English, <https://www.lexico.com/en/definition/contemporary>, truy cập ngày 18/7/2019.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Al-Rodhan, N. 2015. “The Moral Code: How to Teach Robots Right and Wrong”, <https://www.foreignaffairs.com/articles/2015-08-12/moral-code>.
2. Appignanesi, R. & Gattat C. 2006. *Nhập môn chủ nghĩa hậu hiện đại* (Trần Tiến Cao Đăng dịch). TPHCM: Nxb. Trẻ.
3. Arendt, H. 1970. *On Violence*. New York: Harcourt, Brace & World.
4. Attali J. 2017. *Lịch sử của tính hiện đại: loài người suy nghĩ về tương lai của mình* (Hiếu Tân dịch). Hà Nội: Nxb. Tri thức.
5. Bùi Văn Nam Sơn. 2007. “Lyotard với tâm thức và hoàn cảnh Hậu hiện đại”. Lời giới thiệu cho cuốn: Lyotard J.F. 2008. *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (2nd ed.; Ngân Xuyên, Trans.). Hà Nội: Nxb. Tri thức, tr. 15.
5. Bùi Văn Nam Sơn. 2011. “Vài đặc điểm của tư tưởng hậu hiện đại”. Sinh hoạt tại Café thứ Bảy, Nguyễn Đình Chiểu, ngày 30/7/2011, <http://qlkh.hcmussh.edu.vn/3cms/?cmd=130&art=1365145109337&cat=1359336673781>, truy cập ngày 3/7/2019.
7. Bùi Văn Nam Sơn. 2012. “Triết học hậu hiện đại”. *Phê bình văn học*, <https://phebinhvanhoc.com.vn/triet-hoc-hau-hien-dai/>, truy cập ngày 3/7/2019.
8. Bùi Văn Nam Sơn. 2017. *Trò chuyện triết học* (tập 6). Hà Nội: Nxb. Tri thức.
9. Cerutti, E., Gopinath, ita, & Mohommad, A. 2019. “The Impact of US-China Trade Tensions”. *IMF Blog*, <https://blogs.imf.org/2019/05/23/the-impact-of-us-china-trade-tensions/>, truy cập ngày 14/7/2019.
10. Cordes, F., & Stacey, N. 2017. *Is UK Industry Ready for the Fourth Industrial Revolution?* Boston, MA: The Boston Consulting Group.
11. Dahl, R. A. 1957. “The Concept of Power”. *Behavioral Science*, 2(3), p. 201-215. <https://doi.org/10.1002/bs.3830020303>, truy cập ngày 20/7/2019.
12. Lê Hồng Hiệp. 2016. “Toàn cầu hóa (Globalization)”. *Nghiên cứu quốc tế*, <http://nghiencuuquoccte.org/2016/07/09/toan-cau-hoa-globalization/>, truy cập ngày 26/7/2019.

13. Lê Ngọc Hùng. 2017. “Các loại quyền lực trong thế giới ngày nay từ góc độ xã hội học chính trị”. *Tạp chí Cộng sản*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2017/46515/Cac-loai-quyen-luc-trong-the-gioi-ngay-nay-tu-goc-do.aspx>, truy cập ngày 10/7/2019.
14. Leswing, K. 2017. *Apple CEO Tim Cook: “If I were a Country Leader, my Goal would be to Monopolize the World’s Talent”*. <https://www.sfgate.com/technology/businessinsider/article/Apple-CEO-Tim-Cook-is-having-a-wonderful-European-10915883.php>, truy cập ngày 24/7/2019.
15. NASA. 2010. “How is Today’s Warming Different from the Past?”, https://earthobservatory.nasa.gov/features/GlobalWarming/page3.php?fbclid=IwAR1NK47YcZzNRmGQ1ZdP2SU-eJxWaCOWtGN_MKDZW46dKAYfK1ldEwvl5DE, truy cập ngày 10/7/2019.
16. Nguyễn Đức Ngữ. 2009. “Biến đổi khí hậu tác động đến Việt Nam”. Tổng cục Môi trường, <http://vea.gov.vn/VN/TRUYENTHONG/SUKIEN-NGAYLE/TGSHND/Pages/Bi%E1%BA%BFn%C4%91%E1%BB%95ikh%C3%ADh%E1%BA%ADut%C3%A1c%C4%91%E1%BB%99ng%C4%91%E1%BA%BFnVi%E1%BB%87tNam.aspx>, truy cập ngày 10/7/2019.
17. Nguyễn Minh Quân. 2012. “Chủ nghĩa hậu hiện đại: Những khái niệm căn bản”. *Phê bình văn học*, <https://phebinhvanhoc.com.vn/chu-nghia-hau-hien-dai-nhung-khai-niem-can-ban/>, truy cập ngày 10/7/2019.
18. Nguyễn Văn Nam. 2007. *Toàn cầu hóa và sự tồn vong của nhà nước*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
19. Nguyễn Xuân Nghĩa. 2014. “Tính hiện đại, hậu hiện đại và tôn giáo”, trong *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia, tr. 46-58; https://www.researchgate.net/publication/330275703_tinh_hien_dai_hau_hien_dai_va_ton_giao, truy cập ngày 17/7/2019.
20. Nye, J. S. 2009. *Understanding International Conflicts: An Introduction to Theory and History* (7th edition). New York: Pearson Longman.
21. Phạm Văn Đức. 2006. “Toàn cầu hóa và sự tác động của nó đối với Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Triết học*, 3(178), tr. 22-31.
22. Phùng Văn Thành. 2014. “Toàn cầu hóa kinh tế và những vấn đề liên quan tới chính sách và pháp luật cạnh tranh”. *Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương*, (45), tr. 4-8.
23. Schwab, K. 2018. *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư* (Bộ Ngoại giao dịch). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
24. Schwab, K. 2015. “The Fourth Industrial Revolution: What it Means, How to Respond”. *World Economic Forum*, <https://www.weforum.org/agenda/2016/01/the-fourth-industrial-revolution-what-it-means-and-how-to-respond/>, truy cập ngày 8/8/2019.
25. United Nations. 2017. “World Population Projected to Reach 9.8 Billion in 2050, and 11.2 Billion in 2100”. *UN DESA | United Nations Department of Economic and Social Affairs*, <https://www.un.org/development/desa/en/news/population/world-population-prospects-2017.html>, truy cập ngày 9/7/2019.
26. Weber, M. 1964. *The Theory of Social and Economic Organization* (1st Edition; T. Parsons, Translate). New York, NY: Free Press.
27. Wolf, M. 2015. “Same as It Ever Was”. *Foreign Affairs*, <https://www.foreignaffairs.com/articles/same-it-ever-was>, truy cập ngày 12/7/2019.